

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

TRẦN THỊ ÁNH HỒNG

**TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH QUẢNG NAM**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2010

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Trương Bá Thanh

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
thạc sĩ Quản trị kinh doanh hợp tại Đại học Đà Nẵng vào
ngày ... tháng ... năm 2010

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin – học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Lạm phát, suy giảm kinh tế, ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng gặp khó khăn, để giữ vững mục tiêu phát triển ổn định, an toàn, hiệu quả.

NHNo&PTNT thực hiện khoán tài chính trên cơ sở có thu mới có chi, do đó yêu cầu tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chi phí cũng như chi tiêu trong đơn vị.

Xuất phát từ thực tế đó, tôi chọn đề tài “*Tăng cường kiểm soát chi phí tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam*” để nghiên cứu làm luận văn thạc sỹ - chuyên ngành kế toán.

2. Mục đích nghiên cứu

Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát trong quản lý nói chung và kiểm soát về chi phí nói riêng trong NHNo. Đồng thời nghiên cứu làm rõ thực trạng kiểm soát chi phí tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam, trên cơ sở đó đưa ra những ưu điểm, hạn chế. Đề ra những giải pháp tăng cường kiểm soát chi phí.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: công tác kiểm soát chi phí tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam trong 3 năm 2006-2008.

Phạm vi nghiên cứu: Tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam, từ Hội sở tỉnh đến các ngân hàng huyện trực thuộc.

4. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp phân tích, thống kê, tiếp cận thu thập thông tin, tổng hợp, so sánh.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT CHI PHÍ TRONG NGÂN HÀNG

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ KIỂM SOÁT TRONG QUẢN LÝ

1.1.1 Kiểm soát trong quản lý

Quản lý là sự tác động có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực đã xác định để đạt các mục tiêu đề ra.

Kiểm soát trong quản lý là sự hợp thành một cách logic các phương pháp nhằm thu thập và sử dụng thông tin để ra các quyết định về hoạch định và kiểm soát, thúc đẩy hành vi của người lao động và đánh giá việc thực hiện.

Mối quan hệ giữa kiểm soát với quá trình quản lý

Kiểm soát là một chức năng của quản lý, gắn liền với quản lý, phát sinh từ chính nhu cầu của quản lý, gắn liền với mọi hoạt động, ở đâu có quản lý thì ở đó có kiểm soát.

1.1.2 Các loại kiểm soát trong quản lý

Kiểm soát hướng dẫn, kiểm soát “có/không”, kiểm soát hoạt động; kiểm soát trước, kiểm soát trong và kiểm soát sau; kiểm soát từ xa, kiểm soát trực tiếp và kiểm soát gián tiếp; kiểm soát phòng ngừa, kiểm soát phát hiện, kiểm soát bù đắp, kiểm soát bổ sung; kiểm soát chung và kiểm soát cụ thể; ngoại kiểm và nội kiểm.

1.1.3 Những vấn đề lý luận chung về hệ thống kiểm soát nội bộ

1.1.3.1 Môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát là bao gồm toàn bộ nhân tố bên trong và

bên ngoài của ngân hàng tác động đến việc thành lập, hoạt động và xử lý dữ liệu của các loại hình KSNB của ngân hàng.

Các nhân tố bên trong là các nhân tố thuộc môi trường kiểm soát chung, các yếu tố này chủ yếu liên quan đến cơ chế quản lý, cơ cấu tổ chức, năng lực, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ.

Các nhân tố bên ngoài gồm nhân tố chủ yếu: Chức năng nhà nước, thông tin khách hàng, cơ chế chính sách, văn bản...

1.1.3.2 Hệ thống kế toán trong ngân hàng

Tính kiểm soát của hệ thống kế toán được thể hiện thông qua ba giai đoạn của quá trình kế toán đó là lập chứng từ kế toán, phản ánh vào sổ kế toán, và lập báo cáo kế toán.

1.1.3.3 Các thủ tục kiểm soát nội bộ

Các thủ tục kiểm soát được xây dựng trên các nguyên tắc sau: nguyên tắc phân công phân nhiệm, Phân chia trách nhiệm theo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc uỷ quyền và phê chuẩn.

1.1.3.4 Bộ phận kiểm toán nội bộ trong ngân hàng

KTNB ngân hàng là bộ phận độc lập được thiết lập tiến hành hoạt động kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm tra, KSNB. Tuy nhiên bộ phận KTNB chỉ phát huy tác dụng khi tôn trọng các nguyên tắc tổ chức và nhân sự.

1.2 KIỂM SOÁT CHI PHÍ NGÂN HÀNG

1.2.1 Kiểm soát chi phí về hoạt động tín dụng

Nội dung chi hoạt động tín dụng gồm: Chi trả lãi tiền gửi, trả lãi phát hành giấy tờ có giá.

Phương thức kiểm soát đối với chi trả lãi tiền gửi: Kiểm soát việc tính số tiền lãi có đúng với mức lãi suất, kỳ hạn gửi khi phát hành, đúng từng phương thức trả lãi khi khách hàng có nhu cầu rút; Kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ; Kiểm soát phân bổ lãi vào chi phí hằng tháng có đúng theo quy định

không.

1.2.2 Kiểm soát chi phí hoạt động dịch vụ

Nội dung chi hoạt động dịch vụ: Chi hoa hồng môi giới là khoản chi trả cho bên môi giới làm dịch vụ cho ngân hàng, và công việc làm phải thực sự mang lại hiệu quả kinh doanh cho NHNo.

Phương thức kiểm soát đối với chi hoa hồng môi giới: Kiểm soát đối tượng chi hoa hồng môi giới đúng với người đã ký trong hợp đồng hay không; Kiểm soát mức độ hoàn thành công việc thông qua việc giao khoán và quyết toán khoán các chỉ tiêu, kiểm soát việc thu nợ khách hàng có nộp vào ngân hàng kịp thời, hay xâm tiêu. Kiểm soát thủ tục thanh toán đúng quy trình, việc hạch toán tài khoản chi có đúng theo quy định của NHNo.

1.2.3 Kiểm soát chi phí tiền lương

Bao gồm lương cơ bản(V1) và lương kinh doanh (V2).

Kiểm soát việc theo dõi chấm công từng phòng có đúng thực ngày làm việc không. Kiểm soát việc xếp loại lương kinh doanh trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Kiểm soát việc tính lương, hạch toán.

Kiểm soát chi làm thêm giờ.

1.2.4 Chi phí về hoạt động quản lý và công vụ

Bao gồm chi phí mua vật liệu, giấy tờ in

Phương thức kiểm soát chi phí mua vật liệu, giấy tờ in: kiểm soát việc lập dự trù có đúng nhu cầu các phòng ban chuyển sang không, kiểm soát quá trình mua, nhập kho, xuất kho vật liệu, giấy tờ in, Kiểm tra chứng từ thanh toán đầy đủ hợp đồng, hóa đơn thanh toán.

1.2.5 Kiểm soát chi phí về tài sản

Kiểm soát chi phí khấu hao TSCĐ: Kiểm soát quy định về thời gian khấu hao, phương pháp tính khấu hao, mức trích khấu hao theo quy định hiện hành

của nhà nước và của ngành; kiểm tra việc trích khấu hao và ghi chép chúng trên sổ sách có đúng theo quy định không.

1.2.5 Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng là khoản tiền được trích lập trên cơ sở phân loại cụ thể các khoản nợ vay của khách hàng theo tỷ lệ quy định để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết.

Phương thức kiểm soát trích dự phòng xử lý rủi ro: Kiểm tra chuyển nhóm nợ tại ngân hàng có đúng theo tỷ lệ quy định của NHNo Việt Nam không, cơ cấu nhóm nợ đúng thực tế trên từng khế ước không, việc trích lập dự phòng đúng theo tỷ lệ quy định.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Kiểm tra, kiểm soát là một chức năng quan trọng của nhà quản lý, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ giúp cho nhà quản lý ngăn chặn gian lận, giảm thiểu sai sót, và xử lý kịp thời các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT, đảm bảo cho hoạt động ngân hàng được thực hiện một cách cẩn trọng, đảm bảo an toàn và hiệu quả, đảm bảo tuân thủ pháp luật, và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ phù hợp với các chính sách và chiến lược do HĐQT đề ra.

Đối với ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực tiền tệ thì kiểm soát chi phí đang là vấn đề bất cập hiện nay, kiểm soát được chi phí của ngân hàng sẽ giúp cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Trong chương 1 luận văn đã nêu tổng quát những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát chi phí, đồng thời cũng đã hệ thống hóa các nội dung, thủ tục và phương thức kiểm soát nội bộ về chi phí của NHNo&PTNT. Những vấn đề

được nêu trong chương một là mục tiêu cho việc nghiên cứu tình hình kiểm soát, từ đó có những định hướng và giải pháp tăng cường kiểm soát về chi phí tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI NHNo&PTNT TỈNH QUẢNG NAM

2.1 NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHNo&PTNT TỈNH QUẢNG NAM

2.1.1 Sự ra đời và cơ cấu hệ thống ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam

NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam trực thuộc NHNo&PTNT Việt Nam, tổ chức điều hành kinh doanh và kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo ủy quyền của Tổng Giám đốc NHNo Việt Nam, có con dấu riêng, bảng cân đối tài sản. NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam gồm 43 chi nhánh trong toàn tỉnh, hoạt động rộng khắp trên địa bàn Quảng Nam từ đồng bằng đến trung du miền núi, từ thị xã, thị trấn, khu công nghiệp, khu kinh tế mở đến vùng sâu, vùng xa.

2.1.2 Tình hình hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam

Cung cấp tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn, đầu tư phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa; Khai thác triệt để các nguồn vốn có khả năng huy động được; khai thác những sản phẩm dịch vụ; xác định việc thu hồi các khoản nợ đã xử lý rủi ro là vấn đề rất quan trọng để tái lập nguồn tài chính.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức quản lý tại NHNo&PTNT Quảng Nam

Cơ cấu tổ chức NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, thực hiện các nghiệp vụ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, và chế độ thủ trưởng

2.2 THỰC TẾ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI NHNo&PTNT TỈNH QUẢNG NAM

2.2.1 Chính sách nhân sự

Công tác cán bộ và đào tạo cán bộ tại chi nhánh được quan tâm đúng mức, tuy nhiên bộ phận lao động lớn tuổi vẫn còn chịu ảnh hưởng tư duy kinh doanh bao cấp, bộ phận lao động trẻ thiếu kinh nghiệm, ảnh hưởng đến công tác kiểm soát.

2.2.2 Bộ phận kiểm tra - kiểm toán nội bộ

Không phân định rõ chức năng kiểm soát trong từng bộ phận tác nghiệp. Bộ phận kiểm tra, KTNB thiếu sự liên hệ phối hợp mang tính hệ thống trong công tác, không sử dụng được đội ngũ kiểm tra viên tại các ngân hàng trực thuộc. Phương pháp kiểm tra nặng về kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ, chú trọng vào những việc và kết quả đã xảy ra.

2.2.3 Đặc điểm hệ thống kế toán tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam

2.2.3.1 Bộ máy kế toán

Việc bố trí cán bộ chưa tách biệt giữa chức năng thực hiện và chức năng kiểm soát, chưa đảm bảo nguyên tắc không kiêm nhiệm. Một số cán bộ làm công tác kế toán chưa có bằng cấp trong lĩnh vực kế toán, chưa nhạy bén trong công việc, chưa có kinh nghiệm.

2.2.3.2 Chứng từ kế toán

Nhìn chung chứng từ được sử dụng ở chi nhánh đều thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán⁷, phù hợp với đặc điểm của ngành và đồng thời các yếu tố nội dung trên chứng từ khá rõ ràng, đầy đủ giúp cho công tác kiểm tra, kiểm soát được dễ dàng và nhanh chóng, tuy nhiên vẫn còn một số chứng từ nội dung ghi chưa rõ ràng, ngắn gọn chưa phản ánh hết nội dung của chứng từ đó, thiếu chữ ký trên chứng từ.

2.2.3.3 Hệ thống tài khoản, báo cáo kế toán

Hệ thống tài khoản kế toán NHNo&PTNT Quảng Nam áp dụng thống nhất trong hệ thống NHNo&PTNT Việt Nam. Bao gồm các tài khoản trong bảng cân đối kế toán và các tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán, tài khoản kế

toán của NHNo&PTNT thường xuyên có sự sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số tài khoản.

Báo cáo kế toán của NHNo&PTNT được lập theo biểu mẫu báo cáo chung của nhà nước quy định, theo các mẫu biểu quy định của Tổng Giám đốc.

2.3. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI NHNo&PTNT TỈNH QUẢNG NAM

2.3.1 Kiểm soát chi hoạt động tín dụng

- Thủ tục kiểm soát chi phí hoạt động tín dụng: Kiểm soát quy trình chi trả lãi tiền gửi cá nhân, các tổ chức kinh tế.

Trong quá trình kiểm soát chi phí này cho thấy

* *Ưu điểm*: Khi khách hàng đến rút lãi tiền gửi, ngân hàng thực hiện việc chi trả lãi tiền gửi đúng kỳ hạn, đúng lãi suất lúc gửi ban đầu, chứng từ đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp, ghi chép đầy đủ các yếu tố chữ ký rút tiền khớp đúng với chữ ký mẫu khi gửi tiền, chứng minh nhân dân ghi đầy đủ.

Đối với lãi trả trước thì chi nhánh thực hiện việc phân bổ lãi hằng tháng theo kỳ hạn gửi vào tài khoản chi phí đúng theo quy định.

* *Hạn chế*: Lãi suất áp dụng cho từng loại tiền gửi khác nhau tương ứng mỗi đợt huy động, với lượng khách hàng tiền gửi là rất lớn do đó không tránh khỏi khâu đầu tiên nhập sổ tiết kiệm nhằm lãi suất huy động, nhằm kỳ hạn gửi, hoặc nhập nhằm ngày gửi, ngày đến hạn, dẫn đến khi khách hàng đến rút tiền mới phát hiện, do đó việc tính lãi gây nên thất thoát, làm ảnh hưởng đến khách hàng khi phải chờ đợi và giải thích từ phía ngân hàng.

Kế toán giao dịch tiền gửi, tự kiểm tra chứng từ trước khi bỏ qua thủ quỹ chi tiền mà không qua khâu kế toán kiểm soát, phó giám đốc phụ trách kế toán ký duyệt, do đó chứng từ được kiểm tra, kiểm soát lại sau vào cuối mỗi ngày, điều này dẫn đến có nhiều sai sót xảy ra tại đơn vị là chữ ký mẫu của khách hàng không khớp, số tiền bằng số, bằng chữ không khớp, dẫn đến rủi ro rất lớn trong khâu chi trả lãi huy động vốn tại Chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng

Nam.

Mặc khác cuối năm tài chính phải chạy dự chi trước khi quyết toán tài chính tại đơn vị, để đảm bảo số liệu trước khi chạy dự chi được chính xác, để hạch toán vào chi phí có liên quan đến kết quả tài chính tại Ngân hàng, do đó yêu cầu dữ liệu trên máy phải khớp đúng với hồ sơ, tuy nhiên do khâu ban đầu nhập liệu không chuẩn xác, do bỏ qua khâu kiểm soát của kế toán kiểm soát và ký duyệt của lãnh đạo nên dữ liệu nhập nhầm tài khoản, kỳ hạn gửi, lãi suất gửi, dẫn đến số liệu không chính xác ở một số trường hợp, do đó một số chi nhánh chạy dự chi số tiền rất lớn hoặc ít hơn so với thực tế, việc chạy dự chi không chính xác của chi nhánh dẫn đến ảnh hưởng tình hình tài chính của đơn vị không đúng thực tế.

Đối với một số chi nhánh ngân hàng huyện trực thuộc hầu hết phân bổ lãi trả trước không đúng theo quy định là không thực kê bảng kê từng loại tiền gửi huy động trả trước rồi tính số tiền cần phân bổ để hạch toán vào chi phí đúng quy định mà chỉ trích một phần tài khoản lãi tiền gửi chờ phân bổ vào chi phí. Do đó số tiền hạch toán lãi trả trước vào chi phí là không chính xác đúng từng kỳ hạn gửi của khách hàng.

2.3.2 Kiểm soát chi phí hoạt động dịch vụ

Thủ tục kiểm soát chi phí hoạt động dịch vụ: kiểm soát quy trình chi hoa hồng môi giới.

Trong quá trình kiểm soát chi phí này cho thấy:

* *Ưu điểm:* đến cuối tháng hoặc mỗi lần thanh toán hoa hồng môi giới, NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam thực hiện việc chi trả theo đúng chế độ, chứng từ chi trả đầy đủ giấy đề nghị thanh toán, số hợp đồng dịch vụ, tên công việc dịch vụ, mức độ hoàn thành, số tiền đề nghị thanh toán, xác nhận của ngân hàng về xác nhận mức độ hoàn thành công việc, thuận tiện cho việc kiểm tra, kiểm soát chứng từ.

* *Hạn chế:* Đối với chi hoa hồng nhiều lần trong tháng thì phòng kế

hoạch – kinh doanh không thể kiểm tra, kiểm soát từng hộ vay một lần khi bên môi giới gửi chứng từ vào thanh toán, chỉ cộng số tiền thu được rồi nhân với tỷ lệ hoa hồng được hưởng theo quy định, vì lượng khách hàng quá đông thường thanh toán vào khế ước lưu cũng như nhập vào máy thực hiện lại sau khi đã chi hoa hồng cho bên môi giới. Do đó có trường hợp xảy ra là chứng từ thu nợ được của bên môi giới có một số món nợ lại không khớp với khế ước lưu tại ngân hàng, có khi lộn lãi suất, ngày tháng thu lãi, số dư nợ còn lại... dẫn đến số tiền chi hoa hồng không chính xác phải điều chỉnh lại, điều này rất khó cho phòng kế toán khi phải thực hiện điều chỉnh số tiền chi hoa hồng môi giới, rất khó trong việc kiểm tra, kiểm soát chứng từ thanh toán.

Đối với chi hoa hồng vào cuối mỗi tháng theo hợp đồng đã thoả thuận là phải có xác nhận mức độ hoàn thành công việc, nhưng phòng kế hoạch- kinh doanh xác nhận hoàn thành 100% công việc, vì không thực hiện việc giao khoán thu cho bên môi giới như cán bộ tín dụng của Chi nhánh vào đầu mỗi tháng, nên việc chi trả số tiền hoa hồng hằng tháng theo số lãi thực thu là không đúng thực tế chất lượng công việc của bên môi giới. Điều này không đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của chi nhánh khi giao cho bên môi giới làm việc này. Vì vậy cần phải thực hiện giao khoán và quyết toán khoán các chỉ tiêu như cán bộ tín dụng có như vậy việc chi phí cho hoạt động này mới chính xác và đảm bảo tình hình tài chính tại chi nhánh.

Việc ký hợp đồng bên môi giới làm dịch vụ cho chi nhánh, phải tổ chức đi đối chiếu công khai định kỳ, để xem số nợ gốc và lãi của khách hàng ghi trên sổ vay vốn có khớp đúng khế ước lưu tại ngân hàng không, tránh tình trạng gian lận từ phía môi giới, gây thất thoát tài sản của nhà nước.

2.3.3 Kiểm soát chi phí nhân viên

2.3.3.1 Kiểm soát chi phí tiền lương

Kiểm soát quy trình chi lương gồm có lương cơ bản(V1), lương kinh doanh (V2).

Trong quá trình kiểm soát chi phí này cho thấy:

* *Ưu điểm:* Chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam thực hiện chi trả lương cho cán bộ nhân viên đúng theo thoả thuận trong hợp đồng lao động đã ký, hệ số lương cơ bản, lương kinh doanh, hệ số phụ cấp theo lương của từng cán bộ đúng theo quy định của nhà nước và của ngành. Chứng từ thanh toán trả lương gồm bảng chấm công, bảng xếp loại lương kinh doanh, bảng thanh toán lương được tính đúng đắn, đầy đủ, rõ ràng. Trích các khoản bảo hiểm cho nhà nước đúng theo quy định hiện hành, ngày chi trả lương đúng vào ngày cuối cùng của tháng. Thực hiện hạch toán đúng tính chất tài khoản.

* *Hạn chế:* Là một đơn vị kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ, nhận khoán các chỉ tiêu kế hoạch từ Ngân hàng cấp trên, tự chủ về mặt tài chính của mình, do đó để đảm bảo tiền lương tại Chi nhánh thì phải hoàn thành các chỉ tiêu giao để đủ lương kinh doanh hệ số là 1. Tuy nhiên vấn đề chi lương kinh doanh tại đơn vị còn nhiều hạn chế, còn xê xoa, thực hiện việc xếp loại lương kinh doanh đều tối đa là 1, không căn cứ các chỉ tiêu giao để xếp đúng mức độ hoàn thành công việc của từng cán bộ viên chức, như hệ số 0,7, 0,8, 0,9...Điều này dẫn đến việc chi lương người làm ít cũng như người làm nhiều đều hưởng hệ số hoàn thành kế hoạch công việc là 1. Điều này cho thấy việc chi lương kinh doanh tại chi nhánh vẫn còn “dĩ hoà di quý” không đúng theo quy định của Ngân hàng cấp trên, dẫn đến quỹ tiền lương V2 đơn vị tăng so với thực tế.

Bảng chấm công của từng phòng do một nhân viên trong phòng đó chấm không qua kiểm soát của trưởng phòng phụ trách, không thực hiện chấm hằng ngày mà để cuối tháng chấm một lần, điều này cho thấy nhân viên trong phòng nghỉ vài ngày nhưng vẫn thực hiện việc chấm công đầy đủ. Việc ký nhận lương còn trường hợp nhận tiền lương thay cho nhau, dẫn đến trong tháng làm việc nếu người đó có nghỉ vài ngày thì vẫn nhận đủ lương vì người khác nhận thay không thấy được điều này, do vậy chi lương thừa.

2.3.3.2 Kiểm soát chi làm thêm giờ

* *Ưu điểm*: Chứng từ chi làm thêm giờ đầy đủ biên bản thoả thuận làm thêm giờ giữa Giám đốc, Công đoàn, nhân viên và ghi rõ nội dung, số giờ làm thêm giờ trong tháng phát sinh, biên bản này thường được ký vào đầu tháng. Bảng chấm công thực hiện đúng theo quy định của ngành không vượt quá thời gian làm thêm giờ. Bảng thanh toán làm thêm giờ thực hiện cách tính và hạch toán đúng theo quy định.

* *Hạn chế*: Bảng chấm công làm thêm giờ do trưởng phòng chuyên đề chấm cho các nhân viên trong phòng mình thường thì chấm vào các ngày nghỉ cuối tuần để hưởng hệ số làm thêm giờ cao hơn so với ngày thường, mặc dù ngày thường có làm thêm giờ mà không chấm, điều này cho thấy rất khó kiểm soát, dẫn đến tiền chi làm thêm giờ nhiều hơn so với thực tế, nhiều ngân hàng cơ sở trực thuộc các phòng ban làm nhiều thì chấm không hết giờ vì sợ vượt theo quy định, còn có phòng làm ít lại chấm nhiều giờ nhưng việc kiểm soát sẽ không chính xác vì có khi Ngân hàng cơ sở dồn lại vài tháng mới thanh toán tiền lương làm thêm giờ một lần, không thực hiện việc đăng ký nội dung, số giờ làm thêm vào đầu tháng. Nhiều chi nhánh ngân hàng cơ sở trực thuộc NHNo&PTNT tỉnh chi không hết số tiền làm thêm giờ mà ngân hàng cấp trên giao chỉ tiêu, do đó thực hiện bằng cách những người làm ít giờ hơn trong tháng lại chấm công nhiều để nhận tiền ra và chia thêm cho những người làm nhiều hơn trong phòng, điều này rất sai chế độ quy định và rất khó kiểm tra kiểm soát trong vấn đề chi làm thêm giờ tại Chi nhánh.

2.3.4 Kiểm soát chi cho hoạt động quản lý và công vụ

Quy trình kiểm soát mua vật liệu, giấy tờ in.

Việc mua vật liệu văn phòng, giấy tờ in được thực hiện theo nhu cầu thực tế phát sinh. Hằng tháng, quý, năm phòng Hành chính - Nhân sự không tổng hợp nhu cầu mua sắm của các phòng ban để lập kế hoạch chi tiết, điều này dẫn đến tùy nghi sử dụng, lãng phí, sử dụng hết rồi mua sắm vật liệu theo thực tế phát sinh rất khó kiểm soát về tiết kiệm chi phí, mức độ sử dụng gây lãng phí

cho cơ quan.

Mặc khác việc mua giấy tờ in, vật liệu văn phòng còn xảy ra trường hợp là cán bộ phụ trách phòng Hành chính - Nhân sự tự chọn nhà cung cấp với giá cả từng mặt hàng, có thể giá cả thực tế lại cao hơn những nhà cung cấp khác, để hưởng mức hoa hồng từ nhà cung cấp, mà không có sự kiểm soát chặt chẽ gây lãng phí cho đơn vị. Đối với những lần mua sắm với nhu cầu lớn, Chi nhánh không thực hiện việc mua sắm đúng chu trình mua sắm như yêu cầu ít nhất ba nhà cung cấp gửi báo giá những mặt hàng cần mua để tổ mua sắm tiến hành xét chọn giá phù hợp, đảm bảo chất lượng, mẫu mã, sau đó thông báo chọn nhà cung cấp và thực hiện ký hợp đồng mua bán rồi tiến hành nghiệm thu thanh lý hợp đồng đúng theo đã ký, các bước thực hiện đều do cán bộ phòng Hành chính - Nhân sự thực hiện rồi gửi hồ sơ lên những thành viên trong tổ mua sắm ký, trình giám đốc ký duyệt, rồi thanh toán cho nhà cung cấp, vậy là không kiểm soát được mức giá, dẫn đến thông đồng giữa cán bộ trực tiếp mua hàng và nhà cung cấp để hưởng mức hoa hồng cho cá nhân, gây lãng phí cho cơ quan.

2.3.5 Kiểm soát chi phí khấu hao TSCĐ

Kiểm soát việc tính số tiền phải trích TSCĐ, thời gian trích khấu hao, phương pháp tính, bảng tính khấu hao và hạch toán tại chi nhánh.

Ưu điểm: Mọi TSCĐ tại chi nhánh đều thực hiện trích khấu hao theo quy định, mở thẻ theo dõi từng loại TSCĐ khớp đúng số liệu giá trị còn lại trên bảng cân đối kế toán, áp dụng phương pháp tính khấu hao đường thẳng theo nguyên tắc tròn tháng tạo sự đơn giản cho quản lý và hạch toán, trích hằng tháng, vào thẻ lưu từng loại TSCĐ số tiền phải trích tháng đó, đối chiếu với bảng tính số tiền phải trích, hạch toán đúng tài khoản quy định.

Nhược điểm: Chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam mua sắm TSCĐ sau đó mới chuyển về từng ngân hàng trực thuộc theo kế hoạch đã thông báo để sử dụng và trích khấu hao, nên tài sản mua về một ngày mà chuyển về cơ sở sử dụng vào ngày khác và cơ sở phải trích khấu hao, điều này cho thấy tài sản

chưa đưa vào sử dụng đã trích khấu hao gây lãng phí. Trích khấu hao theo nguyên tắc tròn tháng như hiện nay không đánh giá đúng mức độ hao mòn, sai lệch trong kết quả tính khấu hao. TSCĐ chưa khấu hao hết, chi nhánh tiến hành nâng cấp TSCĐ mà không xác định lại nguyên giá, mức trích khấu hao.

2.3.6 Kiểm soát Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

Chi dự phòng rủi ro là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng của Chi nhánh không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Dự phòng rủi ro được tính theo dư nợ gốc và hạch toán vào chi phí của chi nhánh. Gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể: Nhóm 1: 0%, nhóm 2: 5%, nhóm 3: 20%, nhóm 4: 50%, nhóm 5: 100%, dự phòng chung: là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ.

Quá trình kiểm soát chi phí dự phòng rủi ro tín dụng:

Ưu điểm: Chi nhánh thực hiện trích lập dự phòng xử lý rủi ro đúng theo thời gian quy định, việc chuyển nhóm nợ để trích lập dự phòng đúng theo thực tế từng con nợ khó có khả năng thu hồi, và thực hiện việc tính số tiền để trích lập đúng theo tỷ lệ quy định của ngân hàng cấp trên, hạch toán đúng tài khoản.

Hạn chế: Chi nhánh thực hiện việc chuyển nhóm nợ không kịp thời gian đã quá hạn, dẫn đến chuyển nhóm nợ không đúng thực tế, do đó số tiền trích lập dự phòng không chính xác.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2 luận văn nghiên cứu tình hình thực tế kiểm soát về chi phí tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam cho thấy đã hình thành được cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ thực hiện công tác kiểm tra, KTNB từ ngân hàng loại 1 đến các ngân hàng loại 3 trực thuộc phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động về chi phí, góp phần phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các rủi ro, đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ đưa hoạt động của chi nhánh ngày càng phát triển bền vững. Hầu hết chứng từ kiểm

soát chặt chẽ, đảm bảo tính hợp pháp hợp lệ trước khi thực hiện thanh toán hạch toán. Các số liệu thông tin báo cáo phản ánh trung thực chính xác. Công tác kiểm tra, KTNB được triển khai có kế hoạch, thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ. Bên cạnh đó NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam không tránh khỏi những sai sót, rủi ro trong công tác quản lý điều hành. Hệ thống KSNB chưa chặt chẽ, cán bộ phụ trách kế toán chi phí còn kiêm nhiệm nhiều công việc khác. Hoạt động kiểm tra, KTNB nặng về hoạt động kiểm tra lại, chưa phát huy được vai trò tư vấn cho lãnh đạo. Từ thực tế đó là cơ sở để đưa ra những giải pháp, kiến nghị việc tăng cường công tác kiểm soát chi phí tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI NHNo&PTNT TỈNH QUẢNG NAM

3.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI NHNo&PTNT TỈNH QUẢNG NAM

3.1.1 Những vấn đề đặt ra từ thực trạng kiểm soát chi phí tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam

Thứ nhất, Phòng Kiểm tra, KTNB không sử dụng được thế mạnh của đội ngũ kiểm tra viên tại các ngân hàng trực thuộc. Hoạt động kiểm toán nghiêng về kiểm toán tuân thủ, kiểm tra lại những kết quả đã xảy ra.

Thứ hai: Tổ chức bộ máy kế toán chưa phù hợp, vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm, chưa tách biệt chức năng thực hiện và chức năng kiểm soát.

Thứ ba: Kiểm soát các nội dung chi phí trong ngân hàng có những vấn đề chính sau:

- Về kiểm soát chi trả lãi tiền gửi khách hàng, kế toán kiểm soát bỏ qua khâu kiểm soát sau khi kế toán viên trực tiếp thực hiện việc chi trả lãi tiền gửi khách hàng và khâu duyệt chi của lãnh đạo trước khi chi tiền ra khỏi kho quỹ.

- Về kiểm soát chi phí hoa hồng môi giới, chi nhánh không thực hiện việc giao khoán các chỉ tiêu thu nợ cho người làm dịch vụ như cán bộ tín dụng tại chi nhánh, chưa có sự kiểm tra, kiểm soát việc làm dịch vụ của bên môi giới như tổ chức đối chiếu từng sổ vay vốn khách hàng với khế ước lưu tại ngân hàng.

- Về kiểm soát chi phí tiền lương cho cán bộ, tại các phòng ban không thực hiện việc theo dõi chấm công, hợp xếp lương kinh doanh hằng tháng, dẫn đến cào bằng trong việc tính lương, không tạo nên phong trào thi đua làm việc, sử dụng chưa hết năng suất của người lao động.

- Về kiểm soát chi mua vật liệu văn phòng, giấy tờ in: Các phòng ban không có kế hoạch mua sắm cụ thể hằng tháng, quý, mà khi có nhu cầu đề xuất mua. Mặc khác, phòng hành chính - nhân sự thực hiện mua sắm, chọn giá, làm hồ sơ thanh toán, như vậy dễ dẫn đến gian lận, lãng phí cho chi nhánh.

- Về kiểm soát chi phí khấu hao TSCĐ: Trích khấu hao theo nguyên tắc tròn tháng thì số tiền trích không chính xác. TSCĐ NHNo & PTNT tính mua về một ngày mà chuyển về các ngân hàng trực thuộc sử dụng vào ngày khác, việc trích khấu hao không chính xác so với ngày đưa vào sử dụng.

- Về kiểm soát chi phí dự phòng rủi ro tín dụng: Việc chuyển nhóm nợ tại chi nhánh không kịp thời, không chính xác từng nhóm nợ theo quy định.

3.1.2 Sự cần thiết phải tăng cường kiểm soát chi phí

Chi phí là hoạt động trong chi tiêu tài chính của NHNo&PTNT, cần nhận thức rõ việc tiết kiệm chi phí là nguồn lực tài chính sẽ mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh .

Để ngăn chặn những sai sót và gian lận trong quá trình thực thi nhiệm vụ của các cán bộ tác nghiệp để hạn chế những tổn thất, rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động chi phí tại chi nhánh.

Để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh có hiệu quả, với mục tiêu phát triển ổn định, bền vững đảm bảo tất cả các khoản chi tiêu phải thực hiện theo chế độ tài chính của nhà nước, của ngành, việc chi tiêu phải thực hiện theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ và dự toán đã được ngân hàng cấp trên phê duyệt.

3.2 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI NHNo&PTNT TỈNH QUẢNG NAM

3.2.1 Đổi mới hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ để đáp ứng yêu cầu kiểm toán hiện đại

Nhân sự cho hoạt động kiểm tra, KTNB

- Xây dựng chức năng kiểm tra, KTNB độc lập với hoạt động điều hành.
- Quy định rõ ràng về trách nhiệm đối với cán bộ kiểm tra, KTNB, có chế độ thưởng phạt nghiêm minh để nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ.
- Có sự luân chuyển cán bộ giữa cán bộ nghiệp vụ và cán bộ kiểm tra, KTNB sau một thời gian nhất định.

Phương pháp kiểm tra, KTNB

Nên đổi mới phương pháp kiểm tra bằng cách kết hợp phương pháp kiểm tra chi tiết với phương pháp kiểm toán hệ thống.

Cần mở rộng đánh giá cơ chế kiểm tra nội bộ trong quy trình, tính kinh tế của quy trình nghiệp vụ để có những kiến nghị tham mưu thay đổi kịp thời bổ sung vào quy trình nghiệp vụ nhằm giới hạn rủi ro nhưng vẫn đảm bảo được lợi ích kinh tế.

Kiểm tra định kỳ vào hằng tháng, quý, năm theo chỉ đạo ngân hàng cấp trên và kết hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra chéo giữa các ngân hàng trực thuộc thông qua cán bộ kiểm tra, KTNB tại ngân hàng trực thuộc.

Giải pháp chung về hoạt động kiểm tra, KSNB tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam trong thời gian đến

- Tổ chức tập huấn về quy trình, quy chế kiểm tra, KTNB và quy chế kiểm toán nội bộ trong chi nhánh.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ chuyên trách làm nhiệm vụ kiểm tra, KSNB.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện cần thiết cho bộ phận kiểm tra, KSNB.
- Tăng cường giáo dục đến mọi cán bộ trong toàn chi nhánh ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật, cả trong chỉ đạo điều hành cũng như trong tác nghiệp.
- Phối hợp chặt chẽ giữa kiểm tra chuyên trách với kiểm tra chuyên đề.
- Sau mỗi đợt kiểm tra, tự kiểm tra của các ngân hàng trực thuộc phải xây dựng kế hoạch và tổ chức khắc phục có hiệu quả các tồn tại. Xử lý kịp thời các vụ việc tiêu cực.
- Động viên khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác kiểm tra, KSNB.

3.2.2 Hoàn thiện hệ thống kế toán tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam

Hoàn thiện bộ máy kế toán

- Bộ phận kế toán NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam cần phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các nhân viên. Tách biệt chức năng thực hiện nghiệp vụ với chức năng kiểm soát.
- Cần phải bố trí cán bộ làm công tác kế toán phải đúng trình độ chuyên môn của từng cán bộ đó, đồng thời cần có kế hoạch đào tạo lại những cán bộ chưa có trình độ chính quy về kế toán.

Hoàn thiện các chứng từ kế toán

Các chứng từ kế toán khi phát sinh cần phải thực hiện qua các bộ phận có liên quan ký, kiểm tra, kiểm soát tính hợp lệ hợp pháp, kiểm tra việc chấp hành quy chế đã quy định.

Thiết lập các báo cáo phân tích chi phí

Tại chi nhánh chưa thiết lập các báo phân tích chi phí, các báo cáo này đảm bảo cung cấp thông tin hữu ích nhất cho nhà quản lý.

3.2.3 Tăng cường công tác kiểm soát chi phí hoạt động tín dụng

- Tăng cường kiểm soát quy trình chi trả lãi tiền gửi để đảm bảo số tiền chi trả được chính xác đúng với kỳ hạn khách hàng đã gửi tiền, đúng lãi suất lúc gửi tiền. Đồng thời phải tăng cường kiểm soát khâu nhập liệu ban đầu khi khách hàng đến gửi tiền đảm bảo số liệu phản ánh đúng thực tế phát sinh liên quan rất lớn đến việc chi trả lãi khi khách hàng đến rút tiền và khi chi nhánh chạy dự chi vào cuối năm tài chính là rất cần thiết.

- Cần phải chấn chỉnh việc phải phân bổ lãi trả trước vào chi phí đúng theo quy định của ngành.

- Cần phải có chương trình phần mềm tính và quản lý dự chi, phân bổ đảm bảo số liệu tính toán phản ánh đúng thực tế theo từng loại tiền gửi.

3.2.4 Tăng cường công tác kiểm soát chi phí hoạt động dịch vụ

- Cán bộ phòng kế hoạch kinh doanh phải nâng cao vai trò trách nhiệm của mình, kiểm tra chặt chẽ các chỉ tiêu thực hiện và quyết toán mức độ hoàn thành các chỉ tiêu thu nợ gốc, lãi, nợ xử lý rủi ro, nợ xấu, nợ quá hạn đảm bảo mức chi hoa hồng đúng thực tế.

- Cần phải tổ chức kiểm tra đối chiếu nợ vay định kỳ nhằm để phát hiện bên môi giới thu nợ vay nộp vào ngân hàng không kịp thời.

- Trước khi kế toán thanh toán phải được lãnh đạo soát xét và duyệt mức chi đúng theo tỷ lệ hoàn thành công việc.

3.2.5 Tăng cường công tác kiểm soát chi phí cho cán bộ

- Trưởng phòng chuyên đề cần phải thực hiện việc theo dõi chấm công hằng ngày và theo giám sát năng suất làm việc, thực hiện nội quy lao động của từng cán bộ làm cơ sở xếp loại lương kinh doanh.

- Đối với các ngân hàng trực thuộc nên chi lương qua tài khoản thẻ ATM để giảm khâu phòng Hành chính Nhân sự chi tiền mặt tốn thời gian.

- Hội đồng tiền lương tại chi nhánh cần phải thực hiện họp hằng tháng để xếp loại lương kinh doanh theo từng phòng chuyên đề gửi về.

- Mỗi cán bộ phải có kế hoạch đăng ký làm thêm giờ vào đầu tháng trình lãnh đạo ký duyệt, trưởng phòng chuyên đề phải theo dõi số giờ làm thêm của mỗi nhân viên trong phòng đảm bảo làm việc hiệu quả, chi tiền làm thêm giờ đúng thực tế công việc cần làm thêm.

3.2.6 Tăng cường công tác kiểm soát chi cho hoạt động quản lý và công vụ

- Hằng tháng, quý các phòng lập giấy đề nghị mua, nhận vật liệu văn phòng, giấy tờ in gửi về phòng hành chính tổng hợp lập dự trù mua sắm để chủ động trong việc sử dụng vật liệu dùng cho kinh doanh tại chi nhánh.

- Trưởng phòng phải theo dõi việc sử dụng giấy tờ in, vật liệu văn phòng, mỗi loại vật liệu văn phòng cần phải có định mức.

- Phải tách biệt chức năng đặt hàng, nhận hàng, hoàn tất thủ tục thanh toán trả cho nhà cung cấp, không để mọi việc do một phòng hành chính nhân sự thực hiện, tránh tình trạng thao túng làm thất thoát chi phí vật liệu, giấy tờ in tại đơn vị.

- Trưởng phòng kế toán phải tăng cường việc kiểm tra, kiểm soát hồ sơ đầy đủ, tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ trước khi thanh toán. Kế toán lập phiếu nhập kho chuyển thủ kho vào sổ theo dõi xuất nhập.

3.2.7 Tăng cường công tác kiểm soát chi phí khấu hao TSCĐ

- Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ phải được thực hiện bắt đầu từ ngày mà TSCĐ tăng hoặc giảm.

- Trường hợp chi nhánh thực hiện nâng cấp TSCĐ thì phải xác định lại thời gian sử dụng hay nguyên giá của TSCĐ thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia cho thời gian sử dụng xác định lại, hoặc thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ.

- Đối với bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ cần phải bổ sung cột trích khấu hao kỳ trước, số khấu hao tăng và giảm trong kỳ, để có thể dễ dàng đánh

giá sự biến động chi phí khấu hao TSCĐ do ảnh hưởng của các trường hợp tăng, giảm TSCĐ ngay trên bảng tính khấu hao kỳ này.

- Hằng năm, phòng hành chính và phòng kế toán tiến hành kiểm kê TSCĐ, và đối chiếu số lượng kiểm kê với thẻ theo dõi tài sản, việc kiểm kê và đối chiếu cũng phải tìm ra tài sản nào không sử dụng, hư hỏng hay hết khấu hao mà vẫn còn tiếp tục trích khấu hao.

- Cần phải theo dõi TSCĐ đã hết khấu hao mà còn sử dụng được thì phải hạch toán chuyển sang TSCĐ đã hết khấu hao để tiện việc đối chiếu với thẻ lưu TSCĐ.

3.2.8 Tăng cường công tác kiểm soát chi dự phòng rủi ro tín dụng

- Cán bộ tín dụng phải theo dõi từng con nợ đến hạn xử lý kịp thời trước khi đến hạn để khỏi chuyển sang nhóm nợ từ nhóm 2 trở đi phải trích lập dự phòng.

- Cần phải lập một tổ kiểm tra, KTNB chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động về phân loại nợ, trích lập dự phòng, xử lý rủi ro có đúng theo quy định.

- Để hạn chế việc trích lập dự phòng hằng quý của chi nhánh thì cần kiểm tra việc đánh giá và xác định nguyên nhân nợ quá hạn để có biện pháp xử lý thích hợp và hiệu quả để giảm thiểu khó khăn về tài chính của chi nhánh.

- Cần phải bổ sung chương trình phần mềm chuyển nhóm nợ tự động, để dễ dàng kiểm tra, và trích lập dự phòng đúng thực tế.

3.3 CÁC KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Cần phải có hệ thống văn bản pháp quy, quy chế, chế độ đầy đủ, rõ ràng, tạo cơ sở pháp lý để thực thi nghiệp vụ kiểm soát chi phí cũng như khi kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy chế, chế độ này.

- Ban lãnh đạo cần phải quan tâm chỉ đạo thường xuyên đối với công tác kiểm tra, KTNB.

- Cần ban hành một cẩm nang chung về nội dung, quy trình thanh toán

từng loại chi phí phù hợp với thực tiễn hiện nay.

- Cần coi trọng hoạt động kiểm tra, kiểm soát về chi phí ngay từ ngân hàng cơ sở trực thuộc; tăng cường phối hợp giữa kiểm tra chuyên trách với kiểm tra chuyên đề, kiểm tra, kiểm soát tại chỗ ở bộ phận chuyên đề kế toán. Cần trang bị cho đội ngũ kiểm tra phương pháp kiểm tra đúng và thích hợp. Phải biết kết hợp các yếu tố trong khi kiểm tra phải mềm dẻo, linh hoạt, kiên quyết đối với từng nghiệp vụ.

- Những cán bộ làm công tác kiểm tra, KTNB luôn có ý thức chủ động nghiên cứu, học hỏi hiểu sâu nghiệp vụ, nắm vững các văn bản, chế độ, thể lệ của nhà nước, của ngành. Cần nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.

- Kiểm tra phát hiện phải luôn đi đôi với việc chỉnh sửa kịp thời, tổ chức chỉnh sửa và xử lý các sai phạm sau khi kiểm tra.

- Bố trí cán bộ làm công tác kiểm tra nội bộ theo đúng tiêu chuẩn kiểm tra viên của NHNo Việt Nam; tạo các điều kiện thuận lợi và động viên kịp thời đề bộ phận kiểm tra, KSNB chuyên trách hoàn thành tốt nhiệm vụ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Sau khi phân tích, đánh giá thực trạng kiểm soát về chi phí tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam, tác giả đã nêu lên được những ưu điểm và hạn chế về hoạt động kiểm soát chi phí, từ thực trạng này chương 3 tác giả đã đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát chi phí tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam để khắc phục những hạn chế những sai phạm, phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các rủi ro trong hoạt động nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh doanh của Chi nhánh, đồng thời đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn về quy trình cụ thể các mặt nghiệp vụ để giúp cán bộ tác nghiệp thực hiện theo đúng chế độ quy định.

KẾT LUẬN

Kiểm soát chi phí là vấn đề mà mọi ngân hàng phải thường xuyên quan tâm, đặc biệt hiện nay tình hình khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế thế giới đã ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế nước ta, lạm phát, suy giảm kinh tế đã tác động rất lớn đến tình hình tài chính của chi nhánh, chính vì vậy đối với NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam cần phải tiết kiệm tối đa về chi phí, chống lãng phí là việc làm rất cần thiết nhất hiện nay để đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Công tác kiểm soát về chi phí tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam nhằm phát hiện những sai sót, ngăn ngừa và kịp thời xử lý những tồn tại sai phạm trong hoạt động nghiệp vụ, giúp cho lãnh đạo nắm bắt được tình hình tài chính của chi nhánh từ đó đưa ra các quyết định đúng đắn và kịp thời, góp phần hoàn thành mục tiêu kinh doanh của chi nhánh.

Luận văn đã đặt ra và giải quyết một cách khá toàn diện về vấn đề kiểm soát chi phí. Các yếu tố của hệ thống kiểm soát nội bộ về chi phí đã được nhận dạng và giải quyết một cách có cơ sở. Phần thực trạng kiểm soát về chi phí tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam tác giả đã làm sáng tỏ thủ tục kiểm soát từng khoản chi phí từ đó rút ra được những ưu điểm, hạn chế, cũng như nguyên nhân hạn chế của công tác kiểm soát chi phí để đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường kiểm tra, kiểm soát tại chi nhánh.